

## BÁO CÁO CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-KTHT&amp;ĐT ngày /4/2026 của phòng KTHT&amp;ĐT phường Đức Xuân)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Năm 2024			Năm 2025			Năm báo cáo so với năm liền kề		Giải trình
		Tổng số	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Tổng số	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Số tuyệt đối	Số tương đối	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4-1	8=4/1	9
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.850.889,0</b>	<b>74.000,0</b>	<b>3.776.889,0</b>	<b>24.187.211,7</b>	<b>32.194,7</b>	<b>24.155.017,0</b>	<b>20.336.322,8</b>	<b>628%</b>	
<b>1</b>	Các khoản dự toán được Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán, trừ trường hợp đã hết nhiệm vụ chi	<b>291.800,0</b>	<b>0,0</b>	<b>291.800,0</b>	<b>11.370.241,8</b>	<b>0,0</b>	<b>11.370.241,8</b>	<b>11.078.441,8</b>	<b>3897%</b>	
<b>1.1</b>	<b>Dự toán đã phân bổ</b>	<b>291.800,0</b>	<b>0,0</b>	<b>291.800,0</b>	<b>4.422.241,8</b>	<b>0,0</b>	<b>4.422.241,8</b>	<b>4.130.441,8</b>	<b>1516%</b>	
	Kinh phí khen thưởng				344.000,0		344.000,0	344.000,0		Nhiệm vụ phát sinh trong năm
	Mua sắm ô tô phục vụ công tác chung				1.770.000,0		1.770.000,0	1.770.000,0		Nhiệm vụ phát sinh trong năm
	KP hỗ trợ giáo viên và trẻ em NQ 02 và NQ 21				6.400,0		6.400	6.400,0		Nhiệm vụ phát sinh trong năm
	KP thực hiện chính sách Bảo trợ xã hội				116,3		116	116,3		Nhiệm vụ phát sinh trong năm
	Chính sách bảo trợ XH				6.522,1		6.522	6.522,1		Nhiệm vụ phát sinh trong năm
	Kinh phí tổ chức đánh giá, nhận xét sáng kiến kinh nghiệm năm 2025				11.488,5		11.489	11.488,5		Nhiệm vụ phát sinh trong năm
	Tiền điện chiếu sáng phố chợ Minh Khai				11.506,1		11.506	11.506,1		Nhiệm vụ phát sinh trong năm
	Sửa chữa hệ thống chống sét trường học				3.057,8		3.058	3.057,8		Nhiệm vụ phát sinh trong năm
	Chính sách nội trú theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP				27.900,0		27.900	27.900,0		Nhiệm vụ phát sinh trong năm
	Chính sách nội trú theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP				27.900,0		27.900	27.900,0		Nhiệm vụ phát sinh trong năm
	Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật hòa nhập theo ND28				465,0		465	465,0		Nhiệm vụ phát sinh trong năm
	Kinh phí giáo viên dạy tiếng anh khối 1+2				1.660,9		1.661	1.660,9		Nhiệm vụ phát sinh trong năm
	Chế độ học sinh bán trú theo ND66/2025				583.220,0		583.220	583.220,0		Nhiệm vụ phát sinh trong năm
	Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật hòa nhập theo ND28				30.166,2		30.166	30.166,2		Nhiệm vụ phát sinh trong năm
	Kinh phí giáo viên dạy tiếng anh khối 1+2				2.294,4		2.294	2.294,4		Nhiệm vụ phát sinh trong năm
	Chế độ học sinh bán trú theo ND66/2025				474.296,0		474.296	474.296,0		Nhiệm vụ phát sinh trong năm
	Chính sách nội trú theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP				240.096,0		240.096	240.096,0		Nhiệm vụ phát sinh trong năm
	Ưu đãi giáo viên dạy HS khuyết tật theo ND 28				31.831,6		31.832	31.831,6		Nhiệm vụ phát sinh trong năm

STT	Nội dung	Năm 2024			Năm 2025			Năm báo cáo so với năm liền kề		Giải trình
		Tổng số	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Tổng số	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Số tuyệt đối	Số tương đối	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4-1	8=4/1	9
	Chính sách nội trú theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP				570.400,0		570.400	570.400,0		Nhiệm vụ phát sinh trong năm
	Tiền thuê dục ngoài trời				2.808,0		2.808	2.808,0		Nhiệm vụ phát sinh trong năm
	Chính sách nội trú theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP				255.392,0		255.392	255.392,0		Nhiệm vụ phát sinh trong năm
	Ưu đãi giáo viên dạy HS khuyết tật theo ND 28				20.721,0		20.721	20.721,0		Nhiệm vụ phát sinh trong năm
	Kinh phí thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 (thuộc địa bàn phường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đức Xuân, phường Huyền Tụng trước sáp nhập)	291.800,0		291.800,0				-291.800,0	0%	Trong năm không phát sinh nhiệm vụ
<b>1.2</b>	<b>Dự toán chưa phân bổ</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>6.948.000,0</b>	<b>0,0</b>	<b>6.948.000,0</b>	<b>6.948.000,0</b>		
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ quy hoạch, chỉnh lý, lưu trữ, số hóa tài liệu, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc	0,0			1.948.000,0		1.948.000,0	1.948.000,0		Nhiệm vụ phát sinh trong năm
	Kinh phí chỉnh trang đô thị và hỗ trợ các công trình, nhiệm vụ của địa phương	0,0			5.000.000,0		5.000.000,0	5.000.000,0		UBND tỉnh cấp BS kinh phí trong năm
<b>2</b>	<b>Chỉ đầu tư phát triển thực hiện chuyển sang năm sau đối với kế hoạch vốn đầu tư công được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân theo quy định của Luật đầu tư công</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>30.587,7</b>	<b>30.587,7</b>	<b>0,0</b>	<b>30.587,7</b>		
2.1	Dư tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi còn lại (sau khi trừ đi số nộp điều chỉnh giảm trong năm quyết toán (nếu có) của phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ các năm trước)	0,0			0,0		0,0	0,0		
2.2	Các dự án, công trình được bổ sung vốn sau ngày 30 tháng 9 theo quy định tại Khoản 1 Điều 72 của Luật số 58/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Điểm a, Khoản 33 Điều 7 Luật số 90/2025/QH15	0,0	0,0	0,0	30.587,7	30.587,7	0,0	30.587,7		
a	Nguồn cấp quyền sử dụng đất				30.587,7	30.587,7		30.587,7		
	Cải tạo, sửa chữa trường Mầm non Đức Xuân				30.587,7	30.587,7		30.587,7		Công trình thực hiện mới trong năm 2025
<b>3</b>	<b>Các chương trình mục tiêu quốc gia đang trong thời gian thực hiện theo nghị quyết của Quốc hội nhưng không quá ngày 31 tháng 12 năm sau</b>	<b>74.000,0</b>	<b>74.000,0</b>					<b>-74.000,0</b>	<b>0%</b>	
3.1	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	74.000,0	74.000,0		0,0			-74.000,0	0%	
<b>4</b>	<b>Chỉ mua sắm hàng hóa, dịch vụ, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng, đặt hàng, giao nhiệm vụ đã đầy đủ hồ sơ, đã ký hợp đồng hoặc đã hoàn thành đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán</b>				<b>900.000,0</b>	<b>0,0</b>	<b>900.000,0</b>	<b>900.000,0</b>		
	Kinh phí khắc phục cơn bão số 11				500.000,0		500.000,0	500.000,0		Công trình thực hiện mới trong năm 2025
	Khắc phục sạt lở đất tại trường Tiểu học Đức Xuân cơ sở 2, phường Đức Xuân				400.000,0		400.000,0	400.000,0		

STT	Nội dung	Năm 2024			Năm 2025			Năm báo cáo so với năm liền kề		Giải trình
		Tổng số	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Tổng số	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Số tuyệt đối	Số tương đối	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4-1	8=4/1	9
5	<b>Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương; nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội</b>	<b>1.427.001,9</b>	<b>0,0</b>	<b>1.427.001,9</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>		<b>-1.427.001,9</b>	<b>0%</b>	
	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	1.427.001,9		1.427.001,9	0,0			-1.427.001,9	0%	<i>KP của 3 xã phường chuyển nguồn sang năm 2025</i>
6	<b>Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước</b>	<b>835.684,3</b>		<b>835.684,3</b>	<b>1.607,0</b>	<b>1.607,0</b>	<b>0,0</b>	<b>-834.077,3</b>	<b>0%</b>	<i>KP của 3 xã phường chuyển nguồn sang năm 2025</i>
7	<b>Các khoản tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 61 của Luật ngân sách nhà nước, trường hợp phương án sử dụng đã được cấp có thẩm quyền quyết định sử dụng vào năm sau thì được chuyển nguồn sang năm sau để thực hiện</b>	<b>1.222.402,8</b>	<b>0,0</b>	<b>1.222.402,8</b>	<b>11.884.775,2</b>	<b>0,0</b>	<b>11.884.775,2</b>	<b>10.662.372,4</b>	<b>972%</b>	
	Tiết kiệm chi	1.222.403		1.222.403			11.884.775,2	-1.222.402,8	0%	<i>Rà soát KP còn dư hủy dự toán các nhiệm vụ trong năm 2025</i>